

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 18/8/2020

V/v “Ly hôn giữa bà N và ông

T”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng

2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trục – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “ Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: ấp PC, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: ấp PC, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quĩ Tín dụng nhân dân MTA

Địa chỉ: ấp Mỹ An C, xã MTA, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Bà N có mặt. Ông T và ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông T sống chung vào năm kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã PH, thành phố BT vào ngày 23/4/2002 do tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến cuối năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông T thường xuyên uống rượu,

gây nợ, bà phải phụ trả nợ. Ông T không tôn trọng bà khi so sánh và cho rằng bà không bằng người phụ nữ khác và không có tài sản gì khi về làm vợ ông T. Bà và ông T đã ly thân khoảng hơn 02 năm nay. Nay tình cảm giữa bà và ông T không còn nên tôi xin ly hôn với ông T.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Anh T sinh ngày 28/01/2002 - đã trưởng thành và Nguyễn Trọng N sinh ngày 30/4/2009. Sau khi ly hôn bà xin để ông T nuôi cháu Nhân và bà cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000đồng.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận

Về nợ chung: nợ Quỹ Tín dụng nhân dân MTA số tiền 25.000.000đ. Ông T phải chịu trách nhiệm trả do trước đây vay 50.000.000đ nhưng tôi đã trả 25.000.000đồng rồi.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà N về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Ông có uống rượu nhưng không có tổ chức uống rượu tại nhà mà theo lời mời đám tiệc của hàng xóm. Ông T thừa nhận có gây nợ để bà N trả nợ 01 lần vào năm 2016 và có so sánh bà N với người phụ nữ khác khi quan hệ vợ chồng, tuy nhiên theo ông, bà N cũng có so sánh chê ông không bằng người đàn ông khác. Ông có nói với bà N về việc khi cưới ông không có tài sản gì. Theo ông, do trước đây ông giúp đỡ bên vợ nhiều nhưng vợ ông tự ý ly thân rồi nộp hồ sơ ly hôn với ông nên ông mới tức giận nói những lời như vậy. Ông và bà N đã ly thân với nhau khoảng hơn 02 năm nay. Nay bà N xin ly hôn ông không đồng ý ly hôn do con chung còn nhỏ, hay bệnh cần mẹ chăm sóc, ông còn phải nuôi mẹ ruột của ông năm nay đã 77 tuổi nên cần một người phụ nữ trong gia đình và do ông vẫn còn thương vợ, thương con. Ông đã nhiều lần năn nỉ vợ và gia đình bên vợ nhưng không được. Do ông và bà N không hợp tính nên không nói chuyện với nhau nhiều được.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Anh T sinh ngày 28/01/2002- đã trưởng thành và Nguyễn Trọng N sinh ngày 30/4/2009. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn ông đồng ý nuôi cháu Nguyễn Trọng N sinh ngày 30/4/2009 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận

Về nợ chung: nợ Quỹ Tín dụng nhân dân MTA số tiền 25.000.000đ. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn ông đồng ý trả số tiền 25.000.000đồng.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân Thượng trình bày:

Vợ chồng ông T và bà N có vay của Quỹ Tín dụng nhân dân xã MTA số tiền 50.000.000đồng theo Hợp đồng tín dụng số SH50167/HĐTD ngày 30/5/2019, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 30/5/2019 đến ngày 30/5/2020, mục đích vay để sửa nhà, lãi suất 12.6%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phương thức trả tiền vay hàng quý. Ông T và bà N đã trả được 25.000.000đồng.

Nay Quỹ tín dụng nhân dân MTA yêu cầu ông T và bà N có trách nhiệm liên đới trả số tiền.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do là vi phạm quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 27, 37, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N đối với ông Nguyễn Văn T. Giao cháu Nguyễn Trọng N cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận việc bà N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung: tự thỏa thuận. Đình chỉ yêu cầu độc lập của Quỹ Tín dụng nhân dân MTA về việc buộc bà N, ông T thanh toán số tiền nợ vay 25.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn T. Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn ông Nguyễn Văn T đang cư trú tại ấp PC, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T.

Đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của Quỹ Tín dụng nhân dân MTA.

[2] Về nội dung: Bà N và ông T tự nguyện kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23 tháng 4 năm 2002 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy bà N và ông T không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng nhưng mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của ông bà thực tế là có xảy ra. Tại biên bản hòa giải ngày 30/6/2020, ông T thừa nhận việc có uống rượu, gây nợ nần, so sánh bà N với người phụ nữ khác cũng như việc ông cho rằng bà N không có tài sản gì khi về làm vợ ông. Những việc làm của ông T đã gây ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa ông T và bà N. Ông T không đồng ý ly hôn vì cho rằng con chung còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, bản thân ông còn nuôi mẹ già, trong nhà cần một người phụ nữ

và do ông vẫn còn thương bà N tuy nhiên ông không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông T thừa nhận do ông và bà N không hợp tính nên không thể nói chuyện được với nhau. Ông T và bà N đã ly thân với nhau khoảng 02 năm. Đây là thời gian đủ dài để cả hai có thể nhận ra những khiếm khuyết của nhau, cùng sửa đổi, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên ông T và bà N vẫn không hàn gắn được. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

[3] Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Anh T sinh ngày 28/01/2002 và Nguyễn Trọng N sinh ngày 30/4/2009. Con chung tên Nguyễn Anh T sinh ngày 28/01/2002 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn bà N yêu cầu để ông T nuôi con chung tên Nguyễn Trọng N sinh ngày 30/4/2009. Ông T cũng đồng ý nuôi cháu Nguyễn Trọng N trường hợp Tòa án giải quyết cho ông và bà N ly hôn. Tại biên bản hỏi ý kiến con ngày 02/3/2020 cháu Nguyễn Trọng N có nguyện vọng muốn sống chung với cha. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Trọng N cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: bà N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung; bà N và ông T tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà N và ông T cùng thống nhất có vay của Quỹ tín dụng nhân dân MTA số tiền 50.000.000đồng. Bà N cho rằng bà đã trả được 25.000.000đồng nên yêu cầu ông T chịu trách nhiệm trả số tiền còn lại. Quỹ tín dụng nhân dân MTA có đơn yêu cầu độc lập đề ngày 15/6/2020 yêu cầu bà N và ông T trả số tiền 25.000.000đồng. Do đại diện theo pháp luật của Quỹ Tín dụng nhân dân MTA vắng mặt không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên được coi là từ bỏ yêu cầu độc lập theo quy định tại d khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết phần nợ chung trong vụ án, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của Quỹ Tín dụng nhân dân MTA. Trường hợp có phát sinh tranh chấp, các bên được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bà N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng. Sung vào công Quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí 625.000đ mà Quỹ Tín dụng nhân dân MTA đã nộp.

[7] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: - Các Điều 27, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Con chung tên Nguyễn Anh T sinh ngày 28/01/2002 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Giao con chung là cháu Nguyễn Trọng N sinh ngày 30/4/2009 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: bà N và ông T tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của Quỹ tín dụng nhân dân MTA. Trường hợp có phát sinh tranh chấp về phần nợ chung đối với Quỹ Tín dụng nhân dân MTA, các bên được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

5. Về án phí: Bà Nhiều phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008839 ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Sung vào công Quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí 625.000 (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng mà Quỹ Tín dụng nhân dân MTA đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011885 ngày 17/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Văn T và Quỹ Tín dụng nhân dân MTA vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- UBND xã PH.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương